TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 5 - 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn,
việc nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Minh

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2026/TLPT-HNGĐ ngày 04/3/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, việc nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 200/2025/HNGĐ-ST ngày 20/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1603/2026/QĐPT-HNGĐ ngày 17/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 4671/2026/QĐPT-HNGĐ ngày 06/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6270/2026/QĐPT-HNGĐ ngày 05/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/5/2004
CCCD số 074304001903, cấp ngày 19/4/2021.
Địa chỉ: 2 khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Â, sinh ngày 14/02/2000
CCCD số 079200033041, cấp ngày 02/3/2022.
Địa chỉ: 7 đường Ố, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn Quốc Â.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2025, Bản tự khai ngày 04/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc Â tự nguyện yêu nhau, cùng nhau đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 06/6/2024. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể: bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng cùng nhau hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Â.

Về việc nuôi con: Bà và ông Â có 01 con chung Nguyễn Nhật Hải P, sinh ngày 31/10/2024. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P, không yêu cầu ông Â cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - ông Nguyễn Quốc Â vắng mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 200/2025/HNGĐ-ST ngày 20/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

"…- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn - ông Nguyễn Quốc Â về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Â.

- Về con chung: Buộc ông Nguyễn Quốc Â giao cháu Nguyễn Nhật Hải P, sinh ngày 31/10/2024 cho bà Nguyễn Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Quốc Â cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết…".

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 07/01/2026, ông Â kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do ông Â không nhận được thông báo về việc sẽ diễn ra phiên tòa ngày 20/11/2025 dẫn đến việc ông không thể đưa ra ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Ngày 03/4/2026, ông Â trình bày nội dung kháng cáo, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, đề nghị giao trẻ Nguyễn Nhật Hải P cho ông Â trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn - ông Nguyễn Quốc Â trình bày:* Ông Â giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý ly hôn với bà T vì vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Khi vợ chồng cãi nhau, bà T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 5/2025, để lại con cho ông Â và gia đình nội nuôi từ khi con 06 tháng tuổi đến nay, bà T không hề chăm sóc con, không có chỗ ở và công việc ổn định. Còn ông Â có chỗ ở ổn định, có việc làm, có thời gian chăm sóc chơi với con, cháu P được gia đình ông Â nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, phát triển tốt. Do đó, đề nghị giao cháu P cho ông Â trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

** Nguyên đơn - bà Nguyễn Ngọc T trình bày:* Bà T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Â, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì bà T hiện tại không có mối quan hệ nào khác, đã có nơi cư trú mới, bà T đi làm giờ hành chính 08 tiếng mỗi ngày nên vẫn chăm sóc được con, mức lương của bà T khoảng 09 triệu đồng/tháng đủ khả năng nuôi con.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của ông Â làm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Â đồng ý ly hôn với bà T, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở.

+ Về việc nuôi con: Bà T và ông Â có một con chung tên Nguyễn Nhật Hải P, sinh ngày 31/10/2024, hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện cháu P được ông Â cùng gia đình nội

chăm sóc ổn định từ nhỏ đến nay, tình trạng sức khỏe, sinh hoạt đảm bảo. Kết quả xác minh cũng thể hiện bà T đã rời khỏi nơi cư trú khi cháu P mới hơn 05 tháng tuổi, thời gian dài không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong khi đó, ông Â có việc làm, thu nhập ổn định, có nơi ở rõ ràng và đang trực tiếp thực hiện đầy đủ việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

Căn cứ theo Án lệ số 54/2022/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hiện nay cháu P đã quen với môi trường sống, điều kiện sinh hoạt và sự chăm sóc của ông Â cùng gia đình nội, việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của cháu. Để dảm bảo cho cháu được chăm sóc tốt nên giao cho ông Â tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Â.

Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Â, sửa bản án sơ thẩm, giao trẻ P cho ông Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông Â không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Â không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Â làm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 532/TLKH-BS ngày 09/5/2025 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp và lời khai thống nhất của các đương sự thì bà T và ông Â kết hôn hợp pháp.

Theo lời khai của bà T thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Â xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về việc nuôi con:

Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 533/GKS-BS ngày 09/5/2025 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp và lời khai thống nhất của các đương sự thì trẻ Nguyễn Nhật Hải P, sinh ngày 31/10/2024 là con của ông Â và bà T.

Theo lời khai thừa nhận của bà T tại phiên tòa phúc thẩm thì vào tháng 5/2025 do mâu thuẫn với ông Â nên bà T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống cho đến nay chứ không phải bị gia đình chồng đuổi.

Theo lời khai của bà T thì trước đây bà T làm bảo mẫu tại nhà cha mẹ ruột, hiện nay bà T đi làm công nhân tại Công ty V, mức lương khoảng 9triệu/tháng, phía gia đình ông P cản trở không cho bà T đến thăm con, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho lời trình bày của mình. Theo lời khai và tài liệu do ông Â cung cấp thì trước đây ông làm việc tại Tổng công ty V1, hiện nay ông mới xin làm việc tại Công ty TNHH E, mức lương 5.000.000 đồng/tháng cộng thêm tiền thưởng.

Theo kết quả xác minh ngày 18/9/2025 và ngày 06/5/2026 thể hiện trẻ Nguyễn Nhật Hải P hiện đang được ông Â cùng cha mẹ ruột nuôi dưỡng, bé khỏe mạnh, linh hoạt, bám ba và nội. Bà nội chăm sóc từ khi sinh do lúc đó mẹ bé bị tiền sản giật và các bệnh khác nên sức khỏe yếu không đủ sức chăm con, ở cùng con đến khi bé 5 tháng tuổi thì bỏ đi, không rõ đi đâu. Gia đình có thực hiện chăm sóc y tế đầy đủ…Ông Â luôn tạo điều kiện để mẹ ruột và gia đình bên ngoại thăm nuôi con, không có ý định thay đổi chỗ ở, không cản trở mẹ bé…

Căn cứ theo lời khai của các đương sự tại phiên tòa và kết quả xác minh, nhận thấy chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng bà T đã tự ý về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2025 đến nay, để lại trẻ P mới hơn 06 tháng tuổi cho ông Â nuôi dưỡng. Ông Â đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P rất tốt, trẻ khỏe mạnh, linh hoạt, được chăm sóc y tế chích ngừa đầy đủ, ông Â có việc làm thu nhập ổn định, có nơi ở cố định… đủ điều kiện để nuôi con.

Theo Án lệ số 54/2022/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mặc dù tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi…" nhưng bà T đã không nuôi trẻ P từ khi trẻ P được 06 tháng tuổi. Hiện tại trẻ P đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông Â nuôi dưỡng chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, nếu giao cho bà T nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng tới sự phát triển bình thường của trẻ. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao trẻ P cho bà T nuôi dưỡng là không phù hợp, chưa xem xét đầy đủ đến quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của trẻ P. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm ông Â mới cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của mình, nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nhưng không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm, quyết định giao trẻ P cho ông Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông Â tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Â, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên ông Â không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại cho ông Â số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung);

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Quốc Â.

2. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 200/2025/HNGĐ-ST ngày 20/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Â.

- Về việc nuôi con: Giao trẻ Nguyễn Nhật Hải P, sinh ngày 31/10/2024 cho ông Nguyễn Quốc Â trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc Â về việc không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu số 0005676 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc Â không phải chịu. H lại cho ông Nguyễn Quốc Â số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002947 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 16;
- VKSND Khu vực 16;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: TGĐ, hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình